

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Chung và ông Võ Thế Sang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị H** – sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp P.M.3, xã P.L, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh **Trần Quang V** – sinh năm 1975

Hộ khẩu thường trú: Thôn B.C, xã P.N, huyện Đ.P, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: Ấp P.C, xã P.B, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị H có mặt, anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/01/2019 và lời khai trong quá trình thụ lý hòa giải, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị H và anh Trần Quang V tự nguyện kết hôn, chung sống từ đầu năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.N, huyện Đ.P, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 22/5/2007. Sau đó, anh chị chuyển đến cư trú tại xã P.B, huyện T.P. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, nguyên nhân vì anh V tính tình nóng nảy, hay nhậu nhẹt với bạn bè nên anh chị có xảy ra cãi nhau, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Đến năm 2009, anh V bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử với mức án 17 (Mười bảy)

năm tù. Vì vậy, từ năm 2009 cho đến nay thì anh chị đã không còn chung sống. Chị H nhận thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng do vợ chồng không có sống chung đã 10 năm, tình cảm của chị đối với anh không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Chị H trình bày chị và anh V có 01 (Một) con chung là Trần Phạm Vi Q – sinh ngày 23/11/2007. Từ khi vợ chồng không còn sống chung, cháu Quỳnh do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm thuê tại địa phương với thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản: Chị H trình bày chị và anh V không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2019 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Trần Quang V trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thừa nhận anh và Chị H có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật là đúng sự thật. Quá trình chung sống, anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến năm 2009, anh bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử với mức án 17 (Mười bảy) năm tù, hiện nay anh đang chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc. Chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý, nhưng anh từ chối trình bày cụ thể về tình trạng hôn nhân.

- Về con chung: Anh thừa nhận anh chị có 01 (Một) con chung là Trần Phạm Vi Q – sinh ngày 23/11/2007. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh trình bày anh và Chị H không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã giao nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu, chứng cứ sau đây: Đơn khởi kiện, Chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của nguyên đơn (Bản sao), Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính), Giấy khai sinh con chung (Bản sao), Giấy xác nhận nơi cư trú đối với bị đơn; Đơn đề nghị xác minh, Đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ, Đơn xin xác nhận chấp hành hình phạt tù đối với anh V ngày 11/01/2016; Sổ thăm gặp phạm nhân và gởi tiền lưu ký ngày 24/4/2013 của Trại giam X.L; Giấy báo tự nguyện thi hành án số 23/QĐ-THA ngày 19/5/2010, Quyết định Thi hành án số 348/QĐ-TAH ngày 18/5/2010 và 288/QĐ-CCTHA ngày 22/02/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.P, Bản án số 87/2009/HSST ngày 29/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Bản án số 74/2010/HSPT ngày 08/3/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (Bản sao y bản chính). Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ trên cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai, biên bản lấy lời khai và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của các đương sự; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải của nguyên đơn; Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú và Biên bản xác minh của Công an xã P.N, huyện Đ.P, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; anh V không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Chị H. Về hôn nhân: Cho Chị H được ly hôn với anh V. Về con chung: Giao con chung Trần Phạm Vi Q cho Chị H tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh V chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Chị H và anh V trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Trần Quang V có nơi cư trú tại xã P.B, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh V, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chị H là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự Chị H là nguyên đơn và anh V là bị đơn, được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn đang chấp hành án, không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng và có đơn giải quyết vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị H và anh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.N, huyện Đ.P, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị H trình bày trong quá trình chung sống thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì anh V tính tình nóng nảy, thường hay nhậu nhẹt với bạn bè nên anh chị xảy ra cãi nhau, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Anh V trình bày anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì, anh đồng ý ly hôn nhưng từ chối trình bày cụ thể về tình trạng hôn nhân. Anh chị thừa nhận từ năm 2009 thì anh chị đã không còn chung sống vì anh V bị phải chấp hành án tại trại giam Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cho đến nay. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng thể hiện anh chị phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, Chị H và anh V đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Trần Phạm Vi Q – sinh ngày 23/11/2007, không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về nuôi con chung tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Từ sau khi anh chị không còn chung sống, con chung đang do Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân Chị H có lối sống đạo đức tốt, có trách nhiệm chăm sóc con chung, có nghề nghiệp ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Đối với anh V, hiện anh đang chấp hành án nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bản thân anh cũng đồng ý giao con cho Chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Quỳnh là con đủ 07 (Bảy) tuổi trở lên có nguyện vọng muốn ở với Chị H. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản: Chị H và anh V trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

- Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Quang V.

- Về nuôi con: Giao cho Chị H trực tiếp nuôi con chung Trần Phạm Vi Q – sinh ngày 23/11/2007, tạm thời anh V chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị Phạm Thị H và anh Trần Quang V trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Chị H đã nộp theo biên lai thu số 006240 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.P, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, Chị H được tính kể từ ngày tuyên án, anh V được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P.N, huyện Đ.P, tỉnh Quảng Ngãi (Số 31, quyển số 01/2007 ngày 22/5/2007) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Tùng**